

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN HỒNG ĐÀO

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	158843	1	NGUYỄN TUẤN AN	04/01/2005	Nam	9/1	8	6.25	7.5	0	37.25
2	158858	2	LÝ HỒNG PHƯƠNG AN	03/08/2005	Nam	9/1	6.5	6.5	5.25	0	30
3	158860	2	NGUYỄN PHỤNG HOÀNG AN	27/06/2005	Nam	9/1	5	2.25	3.5	0	19.25
4	158891	3	NGUYỄN VŨ PHƯƠNG ANH	28/07/2005	Nữ	9/1	6.5	7.25	2.75	0	25.75
5	158957	6	PHAN PHÚC BÌNH	24/03/2005	Nam	9/1	5	3.75	4.75	0	23.25
6	159033	9	NGUYỄN NGỌC DIỆP	06/09/2005	Nữ	9/1	6	2.25	3	0	20.25
7	159048	10	TRÀ NGỌC ĐỨC	17/09/2005	Nam	9/1	7	5.25	5.75	0	30.75
8	159059	10	NGUYỄN KHẮC DŨNG	10/10/2005	Nam	9/1	5.75	2.25	6	0	25.75
9	159103	12	LÊ NGUYỄN THẢO DUYÊN	19/07/2005	Nữ	9/1	6.5	6.75	6	0	31.75
10	159119	13	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	30/08/2005	Nam	9/1	6.5	3.25	5.25	0	26.75
11	159136	13	BÙI NGUYỄN NGỌC HÂN	08/11/2005	Nữ	9/1	5.75	2.5	1.5	0	17
12	159182	15	VÕ ANH HÀO	24/12/2005	Nam	9/1	5.25	2	2.25	0	17
13	159284	20	LÂM GIA HUY	06/10/2005	Nam	9/1	6	4.25	3.75	1	24.75
14	159309	21	ĐỖ THUY KIM HUYỀN	21/07/2005	Nữ	9/1	6.75	5	5.25	0	29
15	159350	22	NGUYỄN DUY KHANG	13/03/2005	Nam	9/1	6.75	5	7.5	0	33.5
16	159401	24	NGUYỄN ĐĂNG KHÔI	09/05/2005	Nam	9/1	6.5	6	5.75	0	30.5
17	159551	7	NGUYỄN QUỲNH PHƯƠNG MY	03/10/2005	Nữ	9/1	6	3.5	2.5	0	20.5
18	159554	7	NGUYỄN THỊ BẢO MY	18/11/2005	Nữ	9/1	7	3	3	0	23
19	159577	8	UNG TRUNG NAM	30/03/2005	Nam	9/1	4.25	6	7.5	1	30.5
20	159581	8	DƯƠNG NGUYỄN BẢO NGÂN	20/11/2005	Nữ	9/1	6.25	5.25	8.75	0	35.25
21	159595	9	NGUYỄN TRẦN KIM NGÂN	27/02/2005	Nữ	9/1	6.5	2.5	2	0	19.5

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN HỒNG ĐÀO

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	159612	9	NGUYỄN ĐỒNG TRANG NGHI	20/01/2005	Nữ	9/1	6.25	8.25	8.25	0	37.25
23	159632	10	LÊ BÍCH NGỌC	16/08/2005	Nữ	9/1	7.5	7	5.25	0	32.5
24	159660	11	HỒ DI NGUYỄN	26/11/2005	Nữ	9/1	6.75	7.25	7	1	35.75
25	159686	12	TRẦN HỮU NHÂN	15/04/2005	Nam	9/1	7	5.75	3.75	0	27.25
26	159727	14	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHI	15/03/2005	Nữ	9/1	7.25	3.5	5	0	28
27	159861	20	VÕ TRẦN MINH QUÂN	26/11/2005	Nam	9/1	5.75	5.25	6.25	0	29.25
28	159862	20	HÙYNH TRẦN NHẬT QUANG	04/06/2005	Nam	9/1	6.25	5.5	2.75	0	23.5
29	159888	21	LỢI DƯƠNG QUỲNH	03/12/2005	Nữ	9/1	6.75	3.25	3.5	0	23.75
30	159910	22	HÀ GIANG SƠN	03/11/2005	Nam	9/1	7	6.25	6.5	0	33.25
31	159958	2	TỪ NGỌC THÁI	10/07/2005	Nam	9/1	7	7.25	7.25	0	35.75
32	159967	2	NGUYỄN HỮU THẮNG	28/07/2005	Nam	9/1	7.75	6.75	5.75	0	33.75
33	159976	2	CHÂU GIA THÀNH	16/11/2005	Nam	9/1	6.25	3.25	3.75	0	23.25
34	159985	3	NGUYỄN HUỲNH PHÚC THẠNH	04/08/2005	Nam	9/1	6	3.5	5.75	0	27
35	160009	4	ĐINH NGUYỄN LAM THIÊN	08/01/2005	Nữ	9/1	6.75	8	8.5	0	38.5
36	160034	5	LÊ TRẦN NGỌC THOẠI	07/08/2005	Nam	9/1	6.5	3	4.5	0	25
37	160045	5	ĐỖ THỊ MINH THƯ	06/03/2005	Nữ	9/1	6.75	4.75	1.75	0	21.75
38	160113	8	NGUYỄN HOÀNG ANH THY	16/11/2005	Nữ	9/1	7.25	5.25	4.75	0	29.25
39	160134	9	TRƯƠNG NGỌC TRÚC TIÊN	23/02/2005	Nữ	9/1	6	2.25	1.75	0	17.75
40	160156	10	ĐOÀN LÊ TẤN TOÀN	01/11/2005	Nam	9/1	5.25	5.5	2.5	0	21
41	160177	11	NGUYỄN NGỌC BẢO TRÂM	10/05/2005	Nữ	9/1	7.75	8.25	5.25	0	34.25
42	160192	11	LÊ NGUYỄN BẢO TRÂN	02/03/2005	Nữ	9/1	6.5	5	3.5	0	25
43	160209	12	NGUYỄN THỊ MINH TRANG	14/06/2005	Nữ	9/1	8	6.75	6	0	34.75
44	160227	13	ĐOÀN MINH TRIẾT	27/05/2005	Nam	9/1	6	2.5	4.75	0	24

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN HỒNG ĐÀO

Loại hình: Tuyển sinh 10

45	160357	18	TRẦN THẾ VINH	31/07/2005	Nam	9/1	7	5	8	0	35
46	160389	20	NGUYỄN HỒNG THANH VY	15/08/2005	Nữ	9/1	6.75	2.75	2.75	0	21.75
47	160413	21	TRƯƠNG TRIỆU VY	08/06/2005	Nữ	9/1	6.75	4.25	2.75	0	23.25
48	160427	21	NGUYỄN NHƯ Ý	22/06/2005	Nữ	9/1	6.25	5	3.75	0	25
Tổng cộng có tất cả: 48 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN HỒNG ĐÀO

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	158838	1	NGUYỄN PHẠM BÌNH AN	04/12/2005	Nữ	9/10	6	3.5	4.5	0	24.5
2	158863	2	CAO HÒANG MINH ANH	29/10/2005	Nữ	9/10	8.25	4.75	7.25	0	35.75
3	158902	4	TRẦN KIM ANH	19/02/2005	Nữ	9/10	5.25	4.25	6	0	26.75
4	158962	6	MAI QUỐC CẢNH	17/01/2005	Nam	9/10	4.5	3	5.5	0	23
5	158976	7	NGUYỄN KIM CHI	06/12/2005	Nữ	9/10	6.5	5	7.25	0	32.5
6	159029	9	LÊ KHẢ YẾN DI	03/05/2005	Nữ	9/10	5.5	2.25	3.5	0	20.25
7	159038	9	TRẦN THỊ PHƯƠNG DOANH	18/05/2005	Nữ	9/10	6.25	2.5	2	0	19
8	159039	9	LÊ NGỌC ĐÔNG	31/01/2005	Nam	9/10	5.5	3.25	2.25	0	18.75
9	159073	11	TRẦN HẢI DƯƠNG	09/04/2005	Nam	9/10	4.75	1.5	2	0	15
10	159140	14	ĐOÀN BẢO HÂN	07/07/2005	Nữ	9/10	8	8	7.5	0	39
11	159151	14	NGUYỄN THỊ NGỌC HÂN	11/05/2005	Nữ	9/10	5.5	3	2.5	0	19
12	159157	14	PHẠM NGUYỄN GIA HÂN	27/06/2005	Nữ	9/10	7.5	6.5	6.5	0	34.5
13	159244	18	NGUYỄN VÕ ANH HÙNG	15/09/2005	Nam	9/10	5.75	5	3.25	0	23
14	159408	1	NGUYỄN HOÀNG KHƯƠNG	20/10/2004	Nam	9/10	4.75	2.25	1.75	0	15.25
15	159410	1	PHAN THANH KIÊN	24/04/2004	Nam	9/10	4.75	2.5	2.75	0	17.5
16	159462	3	LƯƠNG THỊ NGỌC LINH	27/09/2005	Nữ	9/10	6	3.25	2.75	0	20.75
17	159544	6	CAO THỊ DIỄM MY	27/10/2005	Nữ	9/10	6	3.25	3.25	0	21.75
18	159564	7	NGUYỄN TRÂM HÒANG MỸ	08/11/2004	Nữ	9/10	5.25	4	4.75	0	24
19	159574	8	NGUYỄN PHAN HÀ NAM	29/05/2005	Nam	9/10	4.75	7	6.25	0	29
20	159579	8	TRẦN KIM QUỲNH NGÀ	15/04/2005	Nữ	9/10	6.25	8	7.25	0	35
21	159732	14	PHẠM Ý NHI	08/08/2005	Nữ	9/10	6	5.25	4	0	25.25

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN HỒNG ĐÀO

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	159768	16	TRẦN THỊ HỒNG NHUNG	18/05/2005	Nữ	9/10	5	3	3	0	19
23	159769	16	VÕ THỊ PHƯƠNG NHUNG	13/09/2005	Nữ	9/10	6.5	4.25	7	0	31.25
24	159801	17	LÊ HÒANG PHÚC	29/06/2005	Nam	9/10	6.25	6.25	4	0	26.75
25	159810	18	NGUYỄN THANH HOÀNG PHÚC	05/02/2003	Nam	9/10	7	8.25	6.5	0	35.25
26	159840	19	TRẦN THU PHƯƠNG	17/05/2005	Nữ	9/10	6.75	6.75	7	0	34.25
27	159887	21	LÊ THỊ DIỄM QUỲNH	30/01/2005	Nữ	9/10	4.25	2.5	2.25	0	15.5
28	159942	1	NGUYỄN VĂN MINH TÂN	18/02/2005	Nam	9/10	6.25	7.75	6	0	32.25
29	159953	1	NGÔ THANH THÁI	24/10/2004	Nam	9/10	5	2.25	3.5	0	19.25
30	159957	2	TRẦN PHẠM PHƯƠNG THÁI	08/02/2005	Nam	9/10	5	2	2.75	0	17.5
31	159975	2	TRẦN BẠCH VĂN THANH	16/08/2005	Nam	9/10	3.5	3.75	1.25	1	14.25
32	159977	2	CHÂU VĂN THÀNH	12/04/2005	Nam	9/10	6	4.75	3.75	0	24.25
33	159982	3	PHẠM VĂN THÀNH	06/12/2005	Nam	9/10	6.5	4.25	3.25	0	23.75
34	159994	3	NGUYỄN BÙI THANH THẢO	20/10/2005	Nữ	9/10	6	4	2.5	0	21
35	160007	4	VŨ HOÀNG MAI THẢO	09/01/2005	Nữ	9/10	5.5	6.5	4	0	25.5
36	160063	6	NGUYỄN LÊ ANH THU	23/11/2005	Nữ	9/10	7.5	5	3	0	26
37	160136	9	ĐẶNG TRUNG TIẾN	18/03/2005	Nam	9/10	4.5	3.25	1.5	0	15.25
38	160158	10	NGUYỄN PHÚ TOÀN	23/01/2005	Nam	9/10	6	2.75	3.5	0	21.75
39	160183	11	TRẦN LÊ THUY TRÂM	21/10/2005	Nữ	9/10	7	6.25	6.75	0	33.75
40	160198	12	TRẦN THỊ BẢO TRÂN	01/02/2005	Nữ	9/10	7.5	9.25	8.5	0	41.25
41	160343	18	TRẦN THỊ THẢO VÂN	09/05/2005	Nữ	9/10	5.5	3	1.75	0	17.5
42	160398	20	NÔNG THÚY VY	11/08/2005	Nữ	9/10	7.5	3.25	2	1	23.25
43	160421	21	ĐÀO THỊ NHƯ Ý	23/01/2005	Nữ	9/10	4.5	2.25	1.75	0	14.75
44	160429	21	TRẦN THỊ NHƯ Ý	26/04/2005	Nữ	9/10	7.25	5	5	0	29.5

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN HỒNG ĐÀO

Loại hình: Tuyển sinh 10

45	160433	21	NGUYỄN LƯƠNG NGỌC YẾN	04/01/2005	Nữ	9/10	5	3.5	5.5	0	24.5
Tổng cộng có tất cả: 45 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN HỒNG ĐÀO

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	158842	1	NGUYỄN THỊ THÚY AN	08/03/2005	Nữ	9/11	7	2.75	1.5	0	19.75
2	159043	10	HOÀNG MINH ĐỨC	19/09/2005	Nam	9/11	4.5	2	2.75	0	16.5
3	159407	1	NGUYỄN NGỌC KHUÊ	02/10/2005	Nữ	9/11	7	2.5	2	0	20.5
4	159730	14	PHẠM THỊ NGỌC NHI	15/08/2005	Nữ	9/11	3.5	3	2.25	0	14.5
5	159855	19	NGUYỄN MINH QUÂN	07/11/2005	Nam	9/11	4	2	1.75	0	13.5
6	159932	1	NGUYỄN HÀ THANH TÂM	07/02/2005	Nữ	9/11	6.5	2	4.25	0	23.5
7	160143	9	NGUYỄN TRẦN TIẾN	04/12/2005	Nam	9/11	6.25	4	1.5	0	19.5
8	160182	11	PHAN THỊ NGỌC TRÂM	30/10/2005	Nữ	9/11	6.75	3	2.75	0	22
9	160224	13	TRẦN MINH TRÍ	13/08/2005	Nam	9/11	6.25	3	4.25	0	24
10	160309	16	PHẠM VĂN TUYẾN	07/12/2005	Nam	9/11	6.75	3.25	1.75	0	20.25
Tổng cộng có tất cả: 10 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020**BẢNG KẾT QUẢ****Trường: THCS NGUYỄN HỒNG ĐÀO****Loại hình: Tuyển sinh 10**

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	158844	1	NGUYỄN VĂN AN	14/10/2005	Nữ	9/2	7.25	6.25	7.25	0	35.25
2	158878	3	NGUYỄN ĐÀO VÂN ANH	01/06/2005	Nữ	9/2	7.5	5.5	5	0	30.5
3	158898	4	TÔ KỲ ANH	06/10/2005	Nữ	9/2	6	6.75	2.75	0	24.25
4	158901	4	TRẦN HUỖNH NGỌC ANH	10/08/2005	Nữ	9/2	7.75	5.5	2.75	0	26.5
5	158958	6	VĂN CÔNG QUỐC BÌNH	28/07/2005	Nam	9/2	5.75	4.75	6	0	28.25
6	158983	7	VÕ THÀNH CÔNG	14/07/2005	Nam	9/2	6.75	4.25	4.75	0	27.25
7	159013	8	LÊ THÀNH ĐẠT	23/10/2005	Nam	9/2	6.25	5	5.5	0	28.5
8	159068	11	ĐỖ THUYỀN DƯƠNG	01/11/2005	Nữ	9/2	7.5	8.75	8	0	39.75
9	159078	11	ĐÀO QUỐC DUY	20/05/2005	Nam	9/2	6.5	7.25	4.75	0	29.75
10	159114	13	LÊ HOÀNG GIANG	04/05/2005	Nam	9/2	6.75	5.5	8	0	35
11	159169	15	LÊ HỒNG HẠNH	27/10/2005	Nữ	9/2	8	7	7.75	0	38.5
12	159225	17	TÔN THẮT HOÀN	02/10/2005	Nam	9/2	5.5	8.5	7	0	33.5
13	159283	20	LẠI QUỐC HUY	02/10/2005	Nam	9/2	6	5.5	6.25	0	30
14	159288	20	MAI XUÂN HUY	16/09/2005	Nam	9/2	6.75	7	6.25	0	33
15	159320	21	HOÀNG PHẠM MINH KHA	02/11/2005	Nữ	9/2	7	6.5	8	0	36.5
16	159327	21	TRỊNH LÊ KHA	27/05/2005	Nam	9/2	6.75	7.75	7.5	0	36.25
17	159370	23	PHÙNG GIA KHÁNH	05/11/2005	Nam	9/2	5	5.25	4	0	23.25
18	159377	23	PHẠM TẤN KHIÊM	23/06/2005	Nam	9/2	6.5	7.25	8	0	36.25
19	159484	4	TRẦN THỊ THANH LOAN	07/04/2005	Nữ	9/2	8	6.5	7.5	0	37.5
20	159487	4	HOÀNG TẤN LỘC	01/06/2005	Nam	9/2	7	6	6.5	1	34
21	159511	5	LÊ THỊ XUÂN MAI	18/10/2005	Nữ	9/2	7.5	5.75	3.5	0	27.75

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN HỒNG ĐÀO

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	159517	5	PHẠM TUYẾT MAI	17/05/2005	Nữ	9/2	6.25	7.75	7	0	34.25
23	159582	8	HỒ THỊ KIM NGÂN	12/08/2005	Nữ	9/2	7.25	4.75	7.5	0	34.25
24	159598	9	TRẦN THỊ KIM NGÂN	27/05/2005	Nữ	9/2	7.75	6.5	7.75	0	37.5
25	159606	9	HỒ PHẠM THIÊN NGHI	13/09/2005	Nữ	9/2	7.25	5.25	6	0	31.75
26	159661	11	LÊ KHÔI NGUYỄN	25/11/2005	Nam	9/2	6.5	7.75	9	0	38.75
27	159711	13	LÝ HUỲNH YẾN NHI	28/12/2005	Nữ	9/2	8	9	7.5	0	40
28	159783	16	TRẦN TUẤN PHÁT	15/03/2005	Nam	9/2	7	7	6.75	0	34.5
29	159820	18	LÊ KIM PHỤNG	09/03/2005	Nữ	9/2	8	5	7.25	0	35.5
30	159852	19	NGUYỄN ĐỨC MINH QUÂN	18/02/2005	Nam	9/2	7	4.5	5.5	0	29.5
31	159853	19	NGUYỄN HOÀNG QUÂN	13/06/2005	Nam	9/2	6.25	8	7	0	34.5
32	159880	20	TRẦN DIỆU QUYÊN	06/01/2005	Nữ	9/2	7	7.5	5.5	0	32.5
33	159902	21	DƯ TRẦN BẢO SANG	22/04/2005	Nam	9/2	6.5	3	5	0	26
34	159922	22	TẠ TIẾN TÀI	31/10/2005	Nam	9/2	6.75	8.5	8.25	1	39.5
35	159925	22	TRƯƠNG TẤN TÀI	29/04/2005	Nam	9/2	6.5	5.75	6.25	1	32.25
36	159929	22	LÊ CÔNG MINH TÂM	18/09/2005	Nam	9/2	6.25	6	6.5	0	31.5
37	159952	1	LÊ ĐẶNG QUỐC THÁI	31/03/2005	Nam	9/2	6.75	7.5	8	0	37
38	160003	4	TRẦN NGUYỄN THANH THẢO	30/09/2005	Nữ	9/2	7.25	7.25	4.25	0	30.25
39	160178	11	NGUYỄN NGỌC BẢO TRÂM	10/10/2005	Nữ	9/2	7.75	9	7.5	0	39.5
40	160181	11	PHAN THỊ NGỌC TRÂM	13/10/2005	Nữ	9/2	6.75	6.5	7.5	0	35
41	160191	11	LÊ DƯƠNG BỘI TRÂN	17/01/2005	Nữ	9/2	7	7.5	8.25	0	38
42	160208	12	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	20/04/2005	Nữ	9/2	6.5	5.5	7.25	0	33
43	160308	16	NGUYỄN KIẾT TƯỜNG	07/06/2005	Nam	9/2	7.25	5.25	3.25	0	26.25
44	160377	19	LÊ NGỌC TƯỜNG VY	01/03/2005	Nữ	9/2	7	5.5	5	0	29.5

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN HỒNG ĐÀO

Loại hình: Tuyển sinh 10

45	160400	20	PHẠM NGỌC THANH VY	13/02/2005	Nữ	9/2	8.5	6	6.5	0	36
Tổng cộng có tất cả: 45 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN HỒNG ĐÀO

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	158888	3	NGUYỄN THỊ BẢO ANH	27/11/2005	Nữ	9/3	7.5	6	6.5	0	34
2	158896	3	PHAN NGUYỄN THÙY ANH	28/05/2005	Nữ	9/3	7	6.25	3.75	0	27.75
3	158945	5	TRẦN GIA BẢO	16/08/2005	Nam	9/3	5.25	4	2.75	0	20
4	158951	6	VÕ TRẦN NGỌC BÍCH	29/11/2005	Nữ	9/3	6	6.25	6.75	0	31.75
5	158990	7	DƯƠNG VĂN ĐẠI	18/03/2005	Nam	9/3	6	7.25	7.25	0	33.75
6	159002	8	TÔ HỮU DANH	13/06/2005	Nam	9/3	5.5	4.75	3.25	0	22.25
7	159011	8	LÊ NGUYỄN PHÚC ĐẠT	27/10/2005	Nam	9/3	6.5	4.25	4.5	0	26.25
8	159019	9	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	11/08/2005	Nam	9/3	6	3	6	0	27
9	159028	9	TRẦN MINH ĐẠT	07/12/2005	Nam	9/3	6	1.75	4.25	1	23.25
10	159036	9	LÂM THÀNH ĐÔ	02/01/2005	Nam	9/3	7	3.25	3.5	0	24.25
11	159055	10	PHẠM THỊ THÙY DUNG	12/01/2005	Nữ	9/3	6.25	3	2	0	19.5
12	159162	15	TRẦN NGUYỄN NGỌC HÂN	06/03/2005	Nữ	9/3	6.75	3.75	2	0	21.25
13	159180	15	TRẦN ANH HÀO	23/11/2005	Nam	9/3	6	6.75	4.25	0	27.25
14	159229	17	ĐỒNG SỸ HOÀNG	27/11/2005	Nam	9/3	7	3.25	4	0	25.25
15	159297	20	NGUYỄN QUỐC HUY	13/10/2005	Nam	9/3	5.75	3.25	4.75	0	24.25
16	159313	21	THÁI THU HUYỀN	26/08/2005	Nữ	9/3	7.25	4.25	4.25	0	27.25
17	159383	24	LÊ ANH KHOA	11/12/2005	Nam	9/3	6.25	3.75	4.5	0	25.25
18	159492	4	NGUYỄN ĐẶNG HOÀNG LONG	04/07/2005	Nam	9/3	5.5	3.75	1.25	0	17.25
19	159497	4	TRẦN HOÀNG NHỰT LONG	19/12/2005	Nam	9/3	4.75	2.25	0	0	11.75
20	159532	6	LÊ HÀNG NHẬT MINH	17/11/2005	Nam	9/3	7.25	5.75	4.25	0	28.75
21	159535	6	NGUYỄN HOÀNG HỒNG MINH	25/08/2005	Nam	9/3	5.75	3	5	0	24.5

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN HỒNG ĐÀO

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	159567	7	NGÔ TRẦN NHẬT NAM	04/03/2005	Nam	9/3	7.25	7	7.25	0	36
23	159654	11	TRƯƠNG MỸ NGỌC	19/02/2005	Nữ	9/3	7.25	5.5	7	0	34
24	159683	12	ĐÀO THIÊN NHÂN	09/11/2005	Nam	9/3	6.25	6.25	6.75	0	32.25
25	159703	13	HÀ THỊ YẾN NHI	10/10/2005	Nữ	9/3	7.5	5	6.25	0	32.5
26	159708	13	LÊ HOÀNG THẢO NHI	29/03/2005	Nữ	9/3	5.5	5.5	2	0	20.5
27	159721	14	NGUYỄN NHẬT BẢO NHI	04/03/2005	Nữ	9/3	5.75	3.75	3.5	0	22.25
28	159764	16	VÕ THỊ QUỲNH NHƯ	22/11/2005	Nữ	9/3	4.5	3.75	2.5	0	17.75
29	159784	16	TRƯƠNG TẤN PHÁT	20/08/2005	Nam	9/3	6.75	8.25	8	0	37.75
30	159822	18	PHẠM THANH KIM PHỤNG	19/03/2005	Nữ	9/3	7.5	3.5	3.75	0	26
31	159823	18	TRẦN THỊ KIM PHỤNG	06/01/2005	Nữ	9/3	7.5	4.75	6	0	31.75
32	159918	22	NGUYỄN HỮU TÀI	27/01/2005	Nam	9/3	5.5	4.25	5.25	0	25.75
33	159961	2	LÊ NHỰT THẮNG	03/06/2005	Nam	9/3	7.5	5	8.25	0	36.5
34	160049	5	HUỲNH NGỌC MINH THU	14/08/2005	Nữ	9/3	7.25	4.5	2.75	1	25.5
35	160057	6	MẠNH BÙI MINH THU	01/11/2005	Nữ	9/3	7.5	5.25	3.75	0	27.75
36	160085	7	TRẦN LÂM THANH THU	08/11/2005	Nữ	9/3	7.75	6.75	6.5	0	35.25
37	160087	7	TRẦN NGỌC ANH THU	01/11/2005	Nữ	9/3	6.75	5.25	4	0	26.75
38	160100	8	LÊ THỊ HOÀI THƯƠNG	05/12/2005	Nữ	9/3	6.5	4.5	5	0	27.5
39	160135	9	VÕ THỊ THỦY TIÊN	05/01/2005	Nữ	9/3	5	3.5	3.25	0	20
40	160173	11	LÊ NGỌC BẢO TRÂM	29/04/2005	Nữ	9/3	7.25	3.5	4	0	26
41	160238	13	CHÂU PHÚ TRỌNG	04/10/2005	Nam	9/3	6.75	4.75	6.25	0	30.75
42	160364	19	BẠCH NGỌC VY	01/09/2005	Nữ	9/3	8	6.5	2.5	0	27.5
43	160393	20	NGUYỄN THẢO VY	03/04/2005	Nữ	9/3	6.5	6.75	6	0	31.75
Tổng cộng có tất cả: 43 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN HỒNG ĐÀO

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	158926	5	LÂM THANH BẢO	20/02/2005	Nam	9/4	5.5	3.75	5	0	24.75
2	158948	6	TRÌNH GIA BẢO	02/01/2005	Nam	9/4	7.25	6.25	8.25	0	37.25
3	158988	7	NGUYỄN LƯƠNG CHÍ CƯỜNG	08/11/2005	Nam	9/4	6	5.5	6.25	0	30
4	159010	8	HUỲNH THÀNH ĐẠT	16/02/2005	Nam	9/4	6.5	6.25	3.75	0	26.75
5	159071	11	NGUYỄN HOÀNG HẢI DƯƠNG	12/05/2005	Nam	9/4	5	4	3.75	0	21.5
6	159093	12	PHAN QUỐC DUY	21/04/2005	Nam	9/4	6.25	4	6	0	28.5
7	159185	15	CHẾ MINH HẬU	10/10/2005	Nam	9/4	5.5	5.75	4.75	0	26.25
8	159191	16	LÊ THỊ THU HIỀN	10/02/2005	Nữ	9/4	5.25	3.75	2.75	0	19.75
9	159197	16	TRẦN THỊ THU HIỀN	09/01/2005	Nữ	9/4	6	3.75	4	0	23.75
10	159233	17	NGUYỄN XUÂN HOÀNG	26/04/2005	Nam	9/4	7	5.25	5	0	29.25
11	159243	18	ĐOÀN LINH HUỆ	23/05/2005	Nữ	9/4	7	6.75	5	0	30.75
12	159277	19	HỒ ANH HUY	05/11/2005	Nam	9/4	7.5	5	7	0	34
13	159287	20	MAI NHẬT HUY	13/01/2005	Nam	9/4	6	6.25	6.5	0	31.25
14	159341	22	HUỲNH NGUYỄN DUY KHANG	22/10/2004	Nam	9/4	6.5	6.5	7	0	33.5
15	159345	22	MAI MINH KHANG	11/11/2005	Nam	9/4	5	6.5	4	0	24.5
16	159500	5	NGUYỄN THÀNH LUÂN	14/08/2005	Nam	9/4	6.25	3	2.25	0	20
17	159506	5	NGUYỄN KHÁNH LY	10/02/2005	Nữ	9/4	7	6	4.25	0	28.5
18	159559	7	TRẦN THỊ HÀ MY	19/09/2005	Nữ	9/4	6.25	4.25	2.5	0	21.75
19	159608	9	HUỲNH PHƯƠNG NGHI	23/11/2005	Nữ	9/4	7	5.25	5.25	0	29.75
20	159628	10	ĐỖ GIÁP ÁNH NGỌC	22/01/2005	Nữ	9/4	7.75	3.75	4.75	0	28.75
21	159663	11	LÝ CẨM NGUYỄN	16/10/2005	Nữ	9/4	5.75	2.75	2.75	0	19.75

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN HỒNG ĐÀO

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	159675	12	VÕ NGỌC THẢO NGUYỄN	19/11/2005	Nữ	9/4	6.5	5	4.5	0	27
23	159685	12	HOÀNG PHAN THÀNH NHÂN	29/04/2005	Nam	9/4	3.25	2	2.5	0	13.5
24	159705	13	HUỖNH NGỌC PHƯƠNG NHI	14/10/2005	Nữ	9/4	6.75	7.5	8	0	37
25	159719	14	NGUYỄN NGỌC YẾN NHI	22/06/2005	Nữ	9/4	7.75	6.5	7.75	0	37.5
26	159868	20	ĐOÀN PHÚ QUÍ	26/06/2005	Nam	9/4	5.75	4.25	3.25	0	22.25
27	159877	20	NGUYỄN TĂNG GIA QUÝ	15/08/2005	Nam	9/4	7.5	7.75	7.5	0	37.75
28	159892	21	NGUYỄN TRƯỞNG THIÊN QUỲNH	20/07/2005	Nữ	9/4	5.25	5.25	6.25	0	28.25
29	159936	1	TÔ THÀNH TÂM	29/10/2005	Nam	9/4	5.5	4.5	2.75	0	21
30	159949	1	BÙI QUANG THÁI	23/09/2005	Nam	9/4	5.75	5.25	2.75	0	22.25
31	159969	2	TÔ ĐỨC THẮNG	26/04/2005	Nam	9/4	6.75	6	6.5	0	32.5
32	160013	4	TRẦN MINH THIỆN	15/08/2005	Nam	9/4	6	3.25	5.5	0	26.25
33	160053	6	LÊ MINH THƯ	07/11/2005	Nữ	9/4	7.5	3.75	3.75	0	26.25
34	160097	7	NGUYỄN MINH THUẬN	15/09/2005	Nam	9/4	6.5	2.5	4.5	0	24.5
35	160109	8	LÊ THỊ MAI THÙY	02/10/2005	Nữ	9/4	7	3.5	4	0	25.5
36	160124	9	HUỖNH XUÂN TIÊN	26/04/2005	Nữ	9/4	6.75	4.25	3.5	1	25.75
37	160179	11	NGUYỄN THỊ THÙY TRÂM	20/10/2005	Nữ	9/4	7	2	1	0	18
38	160190	11	HUỖNH NGỌC BẢO TRÂN	10/04/2005	Nữ	9/4	6.25	4.25	4.5	0	25.75
39	160213	12	PHẠM THỊ THU TRANG	28/03/2005	Nữ	9/4	4.5	3.75	2	0	16.75
40	160215	12	TRẦN HUYỀN TRANG	07/03/2005	Nữ	9/4	3.5	2	0.75	0	10.5
41	160234	13	LÊ TỔ TRINH	29/09/2005	Nữ	9/4	6.25	2.5	6.25	0	27.5
42	160277	15	TRỊNH THIÊN TRƯỜNG	08/07/2005	Nam	9/4	5.5	6.25	2.75	0	22.75
43	160313	16	NGUYỄN PHƯƠNG TUYỀN	26/12/2005	Nữ	9/4	4.5	4	2.75	0	18.5
44	160322	17	ĐỖ THỊ KIM UYÊN	06/04/2005	Nữ	9/4	7.75	5.5	5.25	0	31.5

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN HỒNG ĐÀO

Loại hình: Tuyển sinh 10

45	160436	22	TRẦN MỸ YẾN	18/11/2005	Nữ	9/4	7	3.75	5.5	0	28.75
Tổng cộng có tất cả: 45 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN HỒNG ĐÀO

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	158884	3	NGUYỄN NGỌC QUỲNH ANH	09/05/2005	Nữ	9/5	6.75	7.25	5.5	0	31.75
2	158892	3	PHẠM HOÀNG MINH ANH	09/06/2005	Nữ	9/5	6.25	6.25	2.5	0	23.75
3	158903	4	TRẦN MINH ANH	08/08/2005	Nữ	9/5	7.25	3.75	3.25	0	24.75
4	158934	5	NGUYỄN HUY BẢO	01/08/2005	Nam	9/5	5.75	3.5	3.75	0	22.5
5	158939	5	PHẠM THẾ BẢO	11/03/2005	Nam	9/5	5.75	3	3.25	0	21
6	158954	6	NGÔ THỊ MỸ BÌNH	04/07/2005	Nữ	9/5	7.5	5	2.75	0	25.5
7	158965	6	ĐOÀN NGỌC BẢO CHÂU	29/10/2005	Nữ	9/5	3.5	3.5	1.25	0	13
8	158980	7	VÕ PHAN TRƯỜNG CHINH	12/12/2005	Nam	9/5	7	6.75	7.5	0	35.75
9	158987	7	NGUYỄN DUY CƯỜNG	27/08/2005	Nam	9/5	6	4.5	4.5	0	25.5
10	159009	8	HOÀNG THÀNH ĐẠT	13/09/2005	Nam	9/5	6	2.75	2	0	18.75
11	159018	9	NGUYỄN TẤN ĐẠT	28/04/2005	Nam	9/5	5	2.25	2.25	0	16.75
12	159070	11	LÊ TRỌNG DƯƠNG	30/05/2005	Nam	9/5	6.5	6.5	3.75	0	27
13	159081	11	HUỲNH KHÁNH DUY	07/12/2005	Nam	9/5	7.75	5.25	7.75	0	36.25
14	159084	11	NGÔ NGUYỄN KHÁNH DUY	28/07/2005	Nam	9/5	6	2.75	2	0	18.75
15	159141	14	DƯƠNG NGUYỄN BẢO HÂN	05/05/2005	Nữ	9/5	6.5	4.5	5.75	0	29
16	159179	15	PHẠM PHÚ HÀO	11/03/2005	Nam	9/5	5.5	2	2.5	0	18
17	159207	16	NGUYỄN CÔNG HIẾU	08/06/2005	Nam	9/5	6.25	5.25	4.75	0	27.25
18	159227	17	ĐẶNG MINH HOÀNG	12/08/2005	Nam	9/5	6	2.5	2	0	18.5
19	159246	18	NGÔ GIA HƯNG	05/04/2005	Nam	9/5	3.25	2.25	2	0	12.75
20	159250	18	PHẠM THÀNH HƯNG	30/06/2005	Nam	9/5	5	3.25	1	0	15.25
21	159269	19	BÙI THANH HUY	18/10/2004	Nam	9/5	7	1.75	2.25	0	20.25

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN HỒNG ĐÀO

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	159285	20	LÊ HOÀNG NHẤT HUY	23/06/2005	Nam	9/5	7.75	7	2.75	0	28
23	159316	21	THÁI THỊ NHƯ HUỖNH	29/06/2005	Nữ	9/5	6.75	3.75	2	0	21.25
24	159324	21	NGUYỄN HOÀNG KHA	23/05/2005	Nam	9/5	6.75	4.5	1	0	20
25	159335	22	TRẦN MINH KHẢI	07/03/2005	Nam	9/5	7.25	7	6.5	0	34.5
26	159400	24	LÊ ANH KHÔI	17/01/2005	Nam	9/5	5.5	4.75	4	0	23.75
27	159413	1	DANH TRẦN ANH KIỆT	01/05/2005	Nam	9/5	6	4	4.75	1	26.5
28	159515	5	NGUYỄN QUỲNH MAI	04/10/2005	Nữ	9/5	6	4.25	2	0	20.25
29	159522	6	PHẠM NHU MẪN	10/05/2005	Nữ	9/5	6.25	5	2.75	0	23
30	159651	11	TRẦN MINH NGỌC	08/07/2005	Nữ	9/5	6.5	3	1.25	0	18.5
31	159736	14	TẮT YẾN NHI	29/04/2005	Nữ	9/5	7	3.75	4.75	0	27.25
32	159799	17	VÕ TRƯỞNG HOÀNG PHÚ	10/11/2005	Nam	9/5	0	0	0	0	0
33	159876	20	NGUYỄN THỊ KIM QUY	12/12/2005	Nữ	9/5	6	6	4	0	26
34	159937	1	TRẦN HOÀNG THANH TÂM	08/08/2005	Nữ	9/5	7.5	6.5	8	0	37.5
35	159987	3	ĐẶNG PHƯƠNG THẢO	26/04/2005	Nữ	9/5	5.5	4.75	2.75	0	21.25
36	160123	9	HUỖNH THỊ CẨM TIÊN	28/08/2005	Nữ	9/5	7	2.5	4.75	0	26
37	160152	10	NGUYỄN CÔNG BẢO TÍN	09/11/2005	Nam	9/5	6.25	6	4.25	0	27
38	160306	16	BÙI THANH TÙNG	19/07/2005	Nam	9/5	7	5.25	3	0	25.25
39	160334	17	TRẦN NGUYỄN HẠ UYÊN	15/12/2005	Nữ	9/5	7.5	4.5	5.5	0	30.5
40	160353	18	NGUYỄN THANH VIỆT	11/04/2005	Nam	9/5	6.75	6.75	5.25	0	30.75
41	160370	19	HOÀNG KHÁNH VY	21/04/2005	Nữ	9/5	7.5	5.25	6	0	32.25
42	160392	20	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG VY	23/08/2005	Nữ	9/5	4.75	3.25	1.75	0	16.25
43	160409	20	TRẦN PHƯƠNG NHẬT VY	18/11/2005	Nữ	9/5	6.5	4.5	6.25	0	30
Tổng cộng có tất cả: 43 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN HỒNG ĐÀO

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	158861	2	VÕ NGỌC ÂN	13/05/2005	Nữ	9/6	4.25	3.75	2	0	16.25
2	158914	4	NGÔ NGỌC ÁNH	30/03/2005	Nữ	9/6	5	2.5	1.75	0	16
3	158922	5	HUỖNH GIA BẢO	21/12/2004	Nam	9/6	7.25	7.5	4	0	30
4	159004	8	LÊ NGUYỄN TRÚC ĐÀO	28/02/2005	Nữ	9/6	6	2.75	2	0	18.75
5	159056	10	VÕ NGỌC PHƯƠNG DUNG	18/03/2005	Nữ	9/6	6.75	5.25	3.25	0	25.25
6	159108	12	NGUYỄN TRẦN KIỀU DUYÊN	05/11/2005	Nữ	9/6	5.75	3.75	3	0	21.25
7	159205	16	LÝ TRUNG HIẾU	18/08/2005	Nam	9/6	7.25	2.75	3.75	0	24.75
8	159339	22	HỨA VĨNH KHANG	04/05/2005	Nam	9/6	5.75	3.5	2	0	19
9	159342	22	LÊ BẢO HOÀNG KHANG	10/11/2005	Nam	9/6	7	4.75	7.75	0	34.25
10	159356	23	TRẦN NGUYỄN DUY KHANG	14/10/2005	Nam	9/6	7.75	7.75	7.5	0	38.25
11	159384	24	LÊ ANH KHOA	09/06/2005	Nam	9/6	6.5	6	7	0	33
12	159396	24	VŨ ANH KHOA	24/03/2005	Nam	9/6	4.5	7.25	2.5	0	21.25
13	159403	1	NGUYỄN MẠNH KHÔI	26/02/2005	Nam	9/6	5.5	5.25	4	0	24.25
14	159440	2	TRẦN LÂM	29/11/2005	Nam	9/6	6	3	4.5	0	24
15	159463	3	NGUYỄN CHÍ LINH	31/10/2005	Nam	9/6	5	2.5	3.75	0	20
16	159469	3	NGUYỄN THUỶ LINH	06/10/2005	Nữ	9/6	6.5	3.5	2	0	20.5
17	159524	6	TRẦN MINH MÃN	21/06/2005	Nam	9/6	6	3.25	5	0	25.25
18	159531	6	LÊ BÙI THẢO MINH	28/05/2005	Nữ	9/6	7.75	4.5	3.5	0	27
19	159557	7	NGUYỄN TRÚC GIA MY	02/02/2005	Nữ	9/6	6	5.75	3.25	0	24.25
20	159560	7	TRẦN THỊ TRÀ MY	07/01/2005	Nữ	9/6	6.75	7.75	5.5	0	32.25
21	159636	10	LÊ TRUNG HOÀNG BẢO NGỌC	12/03/2005	Nam	9/6	7	6	7	0	34

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN HỒNG ĐÀO

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	159657	11	BÙI HOÀNG NGUYỄN	20/07/2005	Nam	9/6	5.5	4.5	5	0	25.5
23	159674	12	TRẦN NHẬT KHÔI NGUYỄN	07/07/2005	Nữ	9/6	6.5	4.25	3	0	23.25
24	159697	13	PHẠM YẾN NHẬT	27/04/2005	Nữ	9/6	7.25	6.25	7.5	0	35.75
25	159702	13	DƯƠNG TRẦN BẢO NHI	12/02/2005	Nữ	9/6	4	2.5	3.25	0	17
26	159755	15	PHẠM BÙI TÂM NHƯ	19/10/2005	Nữ	9/6	6.25	6	3.25	0	25
27	159763	16	TRƯƠNG NGỌC TRÚC NHƯ	23/05/2004	Nữ	9/6	5	3	1.75	0	16.5
28	159796	17	LÊ HOÀNG PHÚ	18/03/2005	Nam	9/6	5	6	3	0	22
29	159850	19	MAI NGUYỄN ANH QUÂN	27/08/2005	Nam	9/6	5.75	7.75	4	0	27.25
30	159863	20	LÂM QUANG	31/07/2005	Nam	9/6	6.75	2.25	2.25	0	20.25
31	160006	4	VÕ THU THẢO	05/10/2005	Nữ	9/6	6	4	2	0	20
32	160008	4	NGUYỄN ĐÌNH THI	24/05/2005	Nam	9/6	4.75	2.75	2.25	0	16.75
33	160018	4	HUỲNH TRẦN TIẾN THỊNH	16/01/2005	Nam	9/6	6.25	5	7.5	0	32.5
34	160027	5	TRẦN TRƯỜNG THỊNH	26/03/2005	Nam	9/6	3.5	4.25	2.25	0	15.75
35	160114	8	NGUYỄN HỒNG THY	15/09/2005	Nữ	9/6	4.75	2.5	3	0	18
36	160137	9	ĐÌNH TRẦN HẢI TIẾN	27/07/2005	Nam	9/6	6	4.75	4.5	0	25.75
37	160151	10	NGUYỄN BẢO TÍN	16/04/2005	Nam	9/6	6	4	4.5	0	25
38	160184	11	TRẦN THỊ BÍCH TRÂM	16/02/2005	Nữ	9/6	6.25	3.75	2.75	0	21.75
39	160219	13	NGUYỄN THỊ HOA TRANH	01/04/2005	Nữ	9/6	8.5	6.25	6.25	0	35.75
40	160261	14	TRẦN THỊ THANH TRÚC	04/06/2005	Nữ	9/6	6	5.25	4	0	25.25
41	160266	15	NGUYỄN BẢO TRUNG	20/12/2005	Nam	9/6	7	5.75	5.25	0	30.25
42	160268	15	NGUYỄN NGỌC ĐỨC TRUNG	11/12/2005	Nam	9/6	6.75	4.25	6	0	29.75
43	160362	19	NGUYỄN PHƯỚC TRƯỜNG VŨ	17/12/2005	Nam	9/6	7	3.25	3.5	0	24.25
44	160380	19	LÊ VŨ TƯỜNG VY	11/11/2005	Nữ	9/6	5.75	5	2.75	0	22

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN HỒNG ĐÀO

Loại hình: Tuyển sinh 10

45	160382	19	LÝ NGUYỄN BÍCH VY	01/04/2005	Nữ	9/6	6.25	5.25	4.5	1	27.75
46	160388	20	NGUYỄN HỒNG ÁNH VY	31/07/2005	Nữ	9/6	6.5	5.5	2.75	0	24
Tổng cộng có tất cả: 46 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN HỒNG ĐÀO

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	158827	1	ĐINH THỊ THÚY AN	12/05/2005	Nữ	9/7	6.75	2.5	1.25	0	18.5
2	158947	6	TRẦN QUỐC BẢO	09/06/2005	Nam	9/7	7.75	7.5	8	0	39
3	158964	6	ĐẶNG NGỌC CHÂU	29/09/2005	Nữ	9/7	4.75	3.5	2.25	0	17.5
4	158984	7	VÕ VĂN CÔNG	11/06/2005	Nam	9/7	6	1.5	3	0	19.5
5	159027	9	TÔ MINH ĐẠT	01/06/2005	Nam	9/7	4.25	2.75	2.75	0	16.75
6	159030	9	THIỆU THIÊN DI	23/07/2005	Nữ	9/7	6	4.5	4	0	24.5
7	159031	9	NGUYỄN THỊ HỒNG DIỄM	01/11/2005	Nữ	9/7	2.75	1.75	3	0	13.25
8	159082	11	HUỖNH KHÁNH DUY	08/03/2005	Nam	9/7	7	5.25	7	0	33.25
9	159147	14	NGUYỄN HOÀNG HÂN	24/03/2005	Nữ	9/7	7	5.5	3.75	0	27
10	159188	16	THÁI HÒANG NGỌC HẬU	03/10/2005	Nữ	9/7	4.5	2.75	2.75	0	17.25
11	159218	17	TRƯƠNG MỸ HOA	05/01/2005	Nữ	9/7	7.75	7.5	4.5	0	32
12	159237	18	TỔNG PHẠM HUY HÒANG	07/08/2005	Nam	9/7	7	5	8	0	35
13	159240	18	TRẦN THỊ THÚY HỒNG	17/12/2005	Nữ	9/7	7	5.5	3.5	0	26.5
14	159312	21	NGUYỄN THANH HUYỀN	21/11/2005	Nữ	9/7	7.25	9.75	8	0	40.25
15	159315	21	LÊ HỒ TUYẾT HUỖNH	23/05/2005	Nữ	9/7	6.75	5	6.75	0	32
16	159333	22	NGUYỄN THÀNH KHẢI	04/06/2005	Nam	9/7	6.25	7	5.25	0	30
17	159349	22	NGUYỄN DUY KHANG	27/09/2005	Nam	9/7	6.5	8	7.5	0	36
18	159367	23	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	26/09/2005	Nam	9/7	6.75	7.5	8.5	0	38
19	159369	23	PHẠM NGUYỄN BẢO KHÁNH	15/12/2005	Nam	9/7	4.75	3.75	7.25	0	27.75
20	159426	2	NGUYỄN HUYỀN THIÊN KIM	23/12/2005	Nữ	9/7	6.75	6	7	0	33.5
21	159442	2	HUỖNH THỊ THU LAN	14/05/2005	Nữ	9/7	6.75	5.25	7.75	0	34.25

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN HỒNG ĐÀO

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	159489	4	NGUYỄN HỮU LỘC	24/12/2005	Nam	9/7	6.75	5.25	4.25	0	27.25
23	159491	4	HỨA PHƯƠNG LONG	04/01/2005	Nam	9/7	5.25	6.5	4	0	25
24	159572	8	NGUYỄN HOÀNG NAM	07/11/2005	Nam	9/7	4.5	5	4.75	0	23.5
25	159611	9	LÊ XUÂN NGHI	11/12/2004	Nữ	9/7	4.25	2.75	2.25	0	15.75
26	159682	12	NGUYỄN THỊ THANH NHÀN	07/09/2005	Nữ	9/7	7	6.25	4.25	0	28.75
27	159700	13	ĐẶNG BÌNH NHI	27/01/2005	Nữ	9/7	5	2.25	3.75	0	19.75
28	159790	17	TRẦN THANH PHONG	13/01/2005	Nam	9/7	4.5	3.25	2.75	0	17.75
29	159833	18	NGUYỄN THỊ HỒNG PHƯƠNG	18/04/2005	Nữ	9/7	6	4.75	2	0	20.75
30	159874	20	NGUYỄN THẾ QUỐC	09/01/2005	Nam	9/7	7	8.5	8	0	38.5
31	159896	21	TRẦN THỊ QUỲNH	22/08/2005	Nữ	9/7	6.5	5.75	5.75	0	30.25
32	159928	22	HUỲNH THANH MINH TÂM	14/11/2005	Nam	9/7	5.5	4	3.75	0	22.5
33	159943	1	TRẦN HOÀI TÂN	09/05/2005	Nam	9/7	5	3.25	8	0	29.25
34	159980	3	LÊ TRƯƠNG CÔNG THÀNH	23/04/2005	Nam	9/7	5.5	3.5	2.25	0	19
35	160050	6	HUỲNH THỊ ANH THU	27/04/2005	Nữ	9/7	6	3	4.75	0	24.5
36	160071	6	NGUYỄN THỊ THU	21/12/2005	Nữ	9/7	8	5.75	6.5	0	34.75
37	160075	7	NGUYỄN THỊ MINH THU	25/10/2005	Nữ	9/7	6	4.5	5.75	0	28
38	160102	8	TRẦN KHÚC NGHÊ THƯỜNG	22/08/2005	Nữ	9/7	5	4.75	4.75	0	24.25
39	160125	9	LÊ NGỌC NGÂN TIÊN	15/12/2005	Nữ	9/7	5.5	2.25	1	0	15.25
40	160147	10	PHAN THANH TIẾN	23/06/2005	Nam	9/7	6	5.75	6	0	29.75
41	160210	12	NGUYỄN THỊ THU TRANG	15/05/2005	Nữ	9/7	3.75	2.75	2.25	0	14.75
42	160235	13	NGUYỄN TRẦN NGỌC TRINH	22/01/2005	Nữ	9/7	5.25	2.75	2	0	17.25
43	160239	13	HỒ QUỐC TRỌNG	25/06/2005	Nam	9/7	0	0	0	0	0
44	160260	14	TRẦN NGUYỄN THANH TRÚC	06/07/2005	Nữ	9/7	6	4.5	5	0	26.5

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN HỒNG ĐÀO

Loại hình: Tuyển sinh 10

45	160312	16	LÊ THANH TUYỀN	06/05/2005	Nữ	9/7	7.5	4.75	7	0	33.75
46	160417	21	HUỖNH NHẬT THANH XUÂN	17/11/2005	Nữ	9/7	7.5	5.5	6.25	0	33
Tổng cộng có tất cả: 46 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN HỒNG ĐÀO

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	158854	2	DƯƠNG TUYẾT ÂN	26/06/2005	Nữ	9/8	5.5	4	2.75	0	20.5
2	158880	3	NGUYỄN KỲ ANH	24/01/2005	Nữ	9/8	6.5	4.25	3.75	0	24.75
3	158916	4	NGUYỄN NGỌC BẮC	18/07/2005	Nam	9/8	6.25	4.5	3.5	0	24
4	158963	6	PHẠM NGUYỄN CHÁNH	12/10/2005	Nam	9/8	6.25	4	7.25	0	31
5	159023	9	PHẠM TẤN ĐẠT	25/06/2005	Nam	9/8	7	4.75	7.25	0	33.25
6	159026	9	PHAN TIẾN ĐẠT	28/11/2005	Nam	9/8	6	6	5.25	0	28.5
7	159054	10	NGUYỄN THỊ MỸ DUNG	07/01/2005	Nữ	9/8	7	5.25	6.5	0	32.25
8	159102	12	ĐÀO THỊ CẨM DUYÊN	02/11/2005	Nữ	9/8	4	2.75	3.75	0	18.25
9	159203	16	LÂM TRUNG HIẾU	27/06/2005	Nam	9/8	7	4.5	4.5	0	27.5
10	159239	18	NGUYỄN ÁNH HỒNG	06/02/2005	Nữ	9/8	7.75	6.75	6.25	0	34.75
11	159295	20	NGUYỄN NGỌC HUY	10/08/2004	Nam	9/8	4.5	3.25	1.75	0	15.75
12	159337	22	ĐOÀN NHẬT KHANG	15/11/2005	Nam	9/8	4	2.5	3.5	0	17.5
13	159357	23	TRƯƠNG BẢO KHANG	10/08/2005	Nam	9/8	5.75	4.25	3.5	0	22.75
14	159391	24	PHẠM NGUYỄN ĐĂNG KHOA	10/11/2005	Nam	9/8	7.25	7.25	6.5	0	34.75
15	159411	1	TRẦN TRUNG KIÊN	25/03/2005	Nam	9/8	6.5	3.75	6.25	0	29.25
16	159417	1	LÊ NGUYỄN TUẤN KIỆT	16/07/2004	Nam	9/8	6	3	3.5	0	22
17	159476	4	TRẦN DUY LINH	07/01/2004	Nữ	9/8	6.25	3	2	0	19.5
18	159480	4	HOÀNG BÙI MỸ LOAN	28/12/2005	Nữ	9/8	7	7.75	7	0	35.75
19	159597	9	TRẦN QUANG THANH NGÂN	04/10/2005	Nữ	9/8	7.25	2.5	2.5	0	22
20	159599	9	TRẦN THỊ THANH NGÂN	03/10/2005	Nữ	9/8	7	7	8.75	0	38.5
21	159665	11	NGUYỄN NGỌC THẢO NGUYỄN	14/05/2005	Nữ	9/8	7	4	5	0	28

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020**BẢNG KẾT QUẢ****Trường: THCS NGUYỄN HỒNG ĐÀO****Loại hình: Tuyển sinh 10**

22	159680	12	HUỖNH THỊ THANH NHÀN	19/04/2005	Nữ	9/8	4.75	3	3.5	0	19.5
23	159684	12	ĐỖ THÀNH NHÂN	19/08/2005	Nam	9/8	6.5	5	5.25	0	28.5
24	159699	13	ÂU TRẦN BẢO NHI	05/12/2005	Nữ	9/8	7	7.75	4.75	1	32.25
25	159729	14	NGUYỄN YẾN NHI	17/07/2005	Nữ	9/8	6.5	4.25	6.75	0	30.75
26	159731	14	PHẠM THỊ YẾN NHI	20/07/2005	Nữ	9/8	7.25	3.5	8	0	34
27	159761	15	TRẦN THỊ MỘNG NHƯ	11/09/2005	Nữ	9/8	7	6.5	6	0	32.5
28	159770	16	TRẦN THANH NHỰT	02/09/2005	Nam	9/8	6.75	4.5	3.75	0	25.5
29	159838	19	PHAN THỊ HÒAI PHƯƠNG	23/08/2005	Nữ	9/8	7	4.75	3	0	24.75
30	159881	20	TRẦN THỊ THẢO QUYÊN	09/11/2005	Nữ	9/8	7	6.25	6.5	0	33.25
31	159907	22	PHAN THỊ TUỆ SANG	15/09/2005	Nữ	9/8	7	5.75	7.25	0	34.25
32	159935	1	TẠ THỊ MINH TÂM	08/08/2005	Nữ	9/8	7.5	5.75	5	0	30.75
33	159959	2	VI MINH THÁI	18/01/2005	Nam	9/8	4.75	3	4.75	0	22
34	159972	2	DƯƠNG THANH	10/05/2005	Nam	9/8	4	6	5.25	0	24.5
35	159990	3	LÊ HUYNH PHƯƠNG THẢO	28/05/2004	Nữ	9/8	3.5	2.5	2.5	0	14.5
36	160033	5	TRẦN QUỐC THỌ	29/12/2005	Nam	9/8	7	4.25	4	0	26.25
37	160040	5	NGUYỄN KIỀU DIỄM THU	13/10/2005	Nữ	9/8	4.25	3.25	2.75	0	17.25
38	160076	7	NGUYỄN TRẦN ANH THƯ	11/12/2005	Nữ	9/8	5.5	5	6.5	0	29
39	160099	8	NGUYỄN HÒANG DUY THỨC	20/12/2005	Nam	9/8	5	2.5	2.5	0	17.5
40	160103	8	NGUYỄN THANH THUỶ	05/06/2005	Nữ	9/8	4.75	2.5	3.25	1	19.5
41	160144	9	NGUYỄN TUẤN TIẾN	02/05/2005	Nam	9/8	6.5	5.25	3.75	0	25.75
42	160145	9	PHẠM MINH TIẾN	13/09/2005	Nam	9/8	6.5	5.75	5.75	0	30.25
43	160408	20	TRẦN NGUYỄN THẢO VY	21/05/2005	Nữ	9/8	7.5	7.25	6.5	0	35.25
44	160410	21	TRẦN THỊ NGỌC VY	23/04/2005	Nữ	9/8	6.25	3.25	5.25	0	26.25

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN HỒNG ĐÀO

Loại hình: Tuyển sinh 10

45	160419	21	VÕ THANH XUÂN	27/09/2005	Nữ	9/8	6.5	2.75	3.5	0	22.75
Tổng cộng có tất cả: 45 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN HỒNG ĐÀO

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	158826	1	CAO TRẦN KHÁNH AN	09/05/2005	Nam	9/9	6.5	3.5	3.5	0	23.5
2	158853	2	ĐẶNG HÀ THIÊN ÂN	09/04/2005	Nữ	9/9	6	6.25	7	0	32.25
3	158936	5	NGUYỄN PHƯƠNG HÒAI BẢO	19/04/2005	Nam	9/9	6	3.25	4.25	0	23.75
4	159041	9	LÝ HY DU	16/08/2005	Nam	9/9	5.5	3.5	2.5	0	19.5
5	159122	13	TRẦN NHỊ HƯƠNG GIANG	10/06/2003	Nữ	9/9	7	5	2.75	0	24.5
6	159170	15	LÊ THỊ HỒNG HẠNH	25/10/2005	Nữ	9/9	6.75	5	5.75	0	30
7	159273	19	DIỆP THANH HUY	05/02/2005	Nam	9/9	6.5	4	4.75	0	26.5
8	159322	21	LÊ TẤN MINH KHA	24/12/2005	Nam	9/9	5.75	5	5	0	26.5
9	159325	21	PHÙ VẠN KHA	16/06/2005	Nam	9/9	7	7.5	8	0	37.5
10	159436	2	NGUYỄN PHAN KHOA LAM	18/04/2005	Nam	9/9	6.5	3	5.5	0	27
11	159455	3	HUỲNH THỊ THUỶ LINH	18/09/2005	Nữ	9/9	8	7.25	6.75	0	36.75
12	159538	6	NGUYỄN TRƯỜNG QUANG MINH	19/01/2005	Nam	9/9	5.5	4.75	4.25	0	24.25
13	159541	6	TRẦN HUỲNH NHẬT MINH	23/05/2005	Nam	9/9	5.5	2.25	2.75	0	18.75
14	159547	7	LÊ THỊ HÀ MY	29/10/2005	Nữ	9/9	6	2.5	3.5	0	21.5
15	159596	9	TRẦN NGỌC PHƯƠNG NGÂN	21/12/2005	Nữ	9/9	7	5.25	6.5	0	32.25
16	159662	11	LƯU HỒNG PHƯƠNG NGUYỄN	11/10/2005	Nữ	9/9	7.5	7.25	8.5	0	39.25
17	159666	12	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NGUYỄN	19/10/2005	Nữ	9/9	5.75	1.75	2.75	0	18.75
18	159759	15	TRẦN LÊ NGỌC NHƯ	26/05/2004	Nữ	9/9	6.25	3	1.75	0	19
19	159803	17	LÊ THỊ HỒNG PHÚC	25/10/2005	Nữ	9/9	7	6.75	5	0	30.75
20	159806	17	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	25/05/2005	Nam	9/9	6.75	3.75	6.25	0	29.75
21	159807	17	NGUYỄN HỒNG PHÚC	25/08/2005	Nam	9/9	7.5	7	8	0	38

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS NGUYỄN HỒNG ĐÀO

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	159839	19	TRẦN THỊ LAN PHƯƠNG	23/11/2005	Nữ	9/9	8	6	7	0	36
23	159882	21	VÕ THỊ ÁI QUYÊN	09/07/2005	Nữ	9/9	6	3.75	4.25	0	24.25
24	159946	1	NGUYỄN BÁ TÁNH	24/06/2005	Nam	9/9	5	4.25	4.5	0	23.25
25	159979	3	HUỖNH TRUNG THÀNH	23/05/2005	Nam	9/9	7	5.75	8	0	35.75
26	159981	3	NGUYỄN CÔNG THÀNH	21/06/2005	Nam	9/9	5.5	3.25	6.25	0	26.75
27	159997	3	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	12/12/2005	Nữ	9/9	7.5	7	8	0	38
28	159999	3	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	04/06/2005	Nữ	9/9	8	6	5.25	0	32.5
29	160017	4	HUỖNH PHÚC THỊNH	05/10/2005	Nam	9/9	4.5	2.25	2.75	0	16.75
30	160105	8	THIỆU THỊ THU THÚY	13/01/2005	Nữ	9/9	7.5	4.25	5.75	0	30.75
31	160172	11	HUỖNH HỒ BÍCH TRÂM	12/10/2005	Nữ	9/9	5	2.5	2	1	17.5
32	160195	12	NGUYỄN NGỌC BẢO TRÂN	26/01/2005	Nữ	9/9	8	5	5.5	0	32
33	160232	13	ĐOÀN NGỌC TRINH	07/05/2004	Nữ	9/9	6.75	5	3	0	24.5
34	160280	15	ĐOÀN TUẤN TÚ	20/12/2005	Nam	9/9	3.25	3	5.75	0	21
35	160289	15	TĂNG HÀ CẨM TÚ	06/10/2005	Nữ	9/9	4.25	3.5	3	0	18
36	160295	16	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	09/01/2005	Nam	9/9	8	6.25	5.5	0	33.25
37	160315	17	NGUYỄN THỊ KIM TUYỀN	13/02/2005	Nữ	9/9	6	3.25	1.75	0	18.75
38	160316	17	TRẦN THANH TUYỀN	14/01/2005	Nữ	9/9	8	4.25	7	0	34.25
39	160346	18	ĐẶNG PHẠM TƯỜNG VI	03/08/2005	Nữ	9/9	7	3	2.75	0	22.5
40	160390	20	NGUYỄN KHÁNH VY	14/08/2005	Nữ	9/9	7.5	6.25	6.5	0	34.25
Tổng cộng có tất cả: 40 học sinh.											

